

NGUYỄN VĂN CỒN

N GUYỄN VĂN CỒN sinh năm 1911 tại tỉnh Thanh-hóa (Bắc Trung Việt).

Lúc nhỏ học tại trường tỉnh Thanh-hóa, sau vào học trường Cao-đẳng Tiểu-học tỉnh Vinh, tiếp theo đó ra học tại Nam-định, sau tốt ông theo ban Trung-học tại Hà-nội. Nhưng vì bãi khóa trong vụ hai nhà chí sĩ Phan châu Trinh và Phan bội Châu, phải bỏ trường về nguyên quán. Sau qua tòng học tại Paris và Luân-đôn.

Ông bắt đầu viết từ năm 1931 trong hai tờ báo đối lập, báo Pháp L'Ami du peuple và báo Việt, tờ Tiếng dân do cụ Huỳnh thúc Kháng chủ nhiệm.

Năm 1936, ông vào Sài-gòn cộng sự với báo Pháp L'Echo annamite do Nguyễn phan Long và Dejean de la Batie chủ trương.

Năm 1942, làm Trưởng-ban Tuyên-truyền Phong trào truyền bá quốc ngữ tại miền Nam.

Sau đại chiến, năm 1947, vì muốn gầy cho mình một vốn kiến thức khả quan, ông qua tòng học tại Paris, vào trường Đại-học Chính-trị, và tốt nghiệp trường này năm 1950; rồi vào Đại-học Sorbonne, ban văn khoa, đỗ tiến sĩ văn chương năm 1958; sau qua Luân-đôn, cũng theo học ban văn khoa.

Tổng sự tại Bộ Quốc-gia Giáo-dục Pháp từ năm 1960.

Tác phẩm đã xuất bản :

Việt văn : — Nước tôi (thơ), in tại Sài-gòn năm 1942.

— Thi văn Việt-nam trích lục và giảng giải (giáo khoa) do nhà in Minh Tân Paris xuất bản năm 1950.

— Hồn sông núi (thơ), in tại Paris năm 1952.

Pháp-văn : — Pearl Buck et la Chine, in tại Paris năm 1958.

— Les religions du Vietnam, do Hàn-lâm-viện Khoa-học Hải-ngoại Paris in năm 1964.

— Le déterminisme dans le Kim Vân Kiều de Nguyễn Du do ban văn khoa Đại-học Sorbonne xuất bản trong dịp « Kỷ niệm hai trăm năm sinh nhật Nguyễn Du » năm 1966.

— Viết giúp tạp chí Phổ thông từ năm 1962 trong mục Bức thư Paris. Dịch nhiều thơ Pháp qua Việt, Việt qua Pháp.



20 năm qua.

Chiến tranh tàn phá ! Chiến tranh gây chết chóc, đau thương. Lìa bỏ tổ ấm, để lại sau lưng sự sản mà chỉ đem theo mấy vần thơ cùng với tài liệu văn học ; ta phải kể quả thật là một người yêu thơ chân thành và tận tụy, coi giá trị tinh thần ngàn vàng không đánh đổi.

Cầm tập thơ *Nước tôi* của Nguyễn văn Cồn trong tay, chúng tôi ngỡ như đang nắm một dấu vết tang thương của một dân tộc còn lưu lại. Bìa sứt mất. Nửa quyển thơ bị mục rã vì dầm nước ở bờ ao mà sở hữu chủ (1) phải quãng vội để chạy tránh những làn đạn bắn vãi tràn trên đất nước.

(1) Người không muốn chúng tôi đề tên thật.

Thế mà ngày nay chúng tôi được tặng lại như giao phó trách nhiệm giữ gìn và không quên nhả nhủ đôi lời ; « Thi hào R. Tagore nói : « Đời sống không tình yêu, đời sống khô khan ; văn hóa không tình yêu, văn hóa cần cỗi. » Thơ Nguyễn văn Cồn không tình yêu nhưng không khô khan. Tình của Nguyễn văn Cồn là tình yêu tổ quốc, dân tộc. Óc của Nguyễn văn Cồn là óc hướng thượng. »

Tác dạ lời nói ấy như kim chỉ nam để chúng tôi sau này dò tìm tư tưởng và tâm tình của Nguyễn văn Cồn đã ký thác trong tập thơ *Nước tôi*.

Chúng tôi đề tâm đến Nguyễn văn Cồn từ lâu, năm 1963. quen biết » trên tạp chí *Phổ thông* trong mục « Bức thư Paris ». Cũng lạ. Sống nơi một phương mà những tiện nghi vật chất của nền văn minh như ru ngủ lòng ta, thế mà còn một người, một đơn vị phiêu bạt đã xa lìa quê hương nhưng vẫn hướng vọng về cố thổ và thường xuyên đóng góp tiếng lòng của mình nơi nghìn trùng xa cách. Nơi ấy một dân tộc, không, một dòng tộc, đang bị dôi dặt trong lớp sóng bình đảo.

Giữa lúc khói lửa chiến tranh đang phủ trùm đất nước. phong hóa suy đồi, lòng người diến đảo, phân ly, ta đọc lại mấy vần thơ Nguyễn văn Cồn là thích hợp. Đề tên cho hai tập thơ *Nước tôi* và *Hồn sông núi* ta hình dung phần nào thi nhân đã nói những gì.

Hãy trở lại cách đây hơn ba mươi năm (1935), giữa lúc phong trào thơ mới đang hồi phát triển mạnh mẽ, mọi khuynh hướng sáng tác đều chu tuần theo những cung điệu mới lạ. Tư tưởng lãng mạn lan tràn mãnh liệt trên mảnh đất thi ca Việt-nam và được sự hoan hô, cổ vũ nồng nhiệt của phái trẻ. Những vần thơ là lướt, những tâm tình uy mị, những cơ thể đam mê, những linh hồn dật dờ như tự nguyện hiến thân làm đất thí nghiệm cho tình yêu, cho men rượu, cho khói thuốc.

Cũng may, trong cái quay cuồng, mê loạn của những hồn thơ, ta còn tìm gặp những hướng thơ dị biệt. Nó thoát ngoài vòng cương tỏa của những tiếng kêu thương,

nước nở, sụt mướt, rỉ rên của những con chim bị đạn đi tình, đề biệt lập những khuynh hướng đồng quê, hoài vọng quốc, tồn cổ, hoài cổ, trào phúng, hùng tráng v.v... ta còn có tiếng nói khác lạ, đó là tiếng thơ Nguyễn văn Cồn, một sắc thái tru tư hướng vọng về dân tộc. Điều thơ vẫn giữ nét cổ hữu của đại chúng là lục bát, hay song thất lục bát. Tứ thơ phảng phất những lời kêu gọi tâm huyết nhưng lại tiêu cực, úp mở. Cũng nên nhớ lúc bấy giờ chế độ kiểm duyệt của Pháp còn gắt gao, thi nhân đã ký thác tâm tình và ý chí của mình trong bài *Bèo mây* mấy dòng sau đây :

*Ai đâu chắc bèo mây hội hiệp,
Phải chăng vì số kiếp bèo mây ?
Bèo mây trước ngọn gió lay,
Mây bay bèo nổi bao ngày biệt ly.*

hay :

*Bạn lòng hơi bèo mây là thế,
Hội hiệp nhau chớ đề xót xa
Bèo mây ta hiểu lòng ta,
Đâu non, mặt nước đâu là quê hương.*

Đọc *Bèo mây* của Nguyễn văn Cồn ta nhớ đến *Thế non nước* của Tản-Đà. Thi thế, hồn thơ của Nguyễn văn Cồn đại khái cũng gói gắm niềm riêng của mình cũng như Tản-Đà đã ký thác lại mấy lời *Thế non nước* :

*Nước non nặng một lời thề,
Nước đi, đi mãi, không về cùng non.
Nhớ « lời nguyện ước thế non ».
Nước đi chưa lại, non còn đứng không.*

hoặc :

*Nước non hội ngộ còn luôn,
Bảo cho non chớ cổ buồn làm chi.*

*Nghìn năm giao ước kết đôi,
Non non nước nước không nguôi lời thề.*
(*Thề non nước* — Tản-Đà)

Tình yêu quê mền tổ của hai thi-nhân nhẹ nhàng, loáng thoáng ; tuy không quyết liệt, mạnh bạo bộc lộ như những lời tâm huyết của bậc chí sĩ, nhưng ai bảo là không biểu lộ một tấm lòng tha thiết với non sông.

Đọc thi bản *Nước tôi* ta thấy như diễn lại một dòng lịch sử Việt-nam từ đời Thục-đế, ở cái thuở đầu dựng nước, trải qua lắm hồi quân quai đau thương dưới gót ngoại xâm, đến cái hùng khí quật cường của con cháu cháu chống xe, « tưởng rằng cháu ngã ai dè xe nghiêng », nổi vui mừng đắc thắng, hò reo vang dậy đất Thăng-long sau khi xua đuổi muôn vạn quân chinh phục ra khỏi bờ cõi. Bắc chông giữ xâm lược, Nam mở rộng biên cương. Máu anh hùng hào kiệt tưới khắp mặt đất thân yêu, diễm thâm giải non sông gấm vóc. Ta hãy đọc :

*Đây là nơi mồ chôn kẻ trước,
Đây là nơi hẹn ước kẻ sau,
Nghìn thu sinh tử chung nhau,
Chung thương, chung nhớ, chung sầu, chung vui.
Nước non thế, ai người biết tới ?
Biết hay không cũng tại lòng ta !
Hỏi rằng nước ấy gần xa ?
Thưa rằng : « Nước ấy tên là Việt-nam ».*

Có lúc thi-nhân mượn hình ảnh của một dân tộc đang trên bước đường suy vong để hình dung cảnh tượng điêu tàn bi đát của cái họa diệt chủng. Trong những trường hợp như thế, ta thấy tiếng thơ Nguyễn văn Cồn gần Chế Lan-Viên hơn :

Nếu một Nguyễn văn Cồn :

*Trên đời đỏ nắng hè gay gắt,
Những mảnh lãng đờ nát nằm trơ,*

Mình đây những vết thương xưa,
 Máu Châm nhuộm đỏ đến giờ chưa phai.
 Từng tháp cao ră rời nghiêng ngã,
 Bước thang lầu thêm đá đồ xiêu,
 Cỏ gai tàn phá tiêu điều,
 Tượng thần dưới đất ra chiều đau thương.

(Lăng Chiêm-thành)

thi Chế Lan-Viên :

Đây những tháp gầy mòn vì mong đợi,
 Những đèn xưa đỏ tắt dưới Thời-gian,
 Những sông vắng lẽ mình trong bóng tối,
 Những tượng Châm lở lói rỉ rên than.

(Trên đường về)

hoặc Nguyễn văn Cồn :

Đâu là chỗ điện vàng lầu ngọc ?
 Đêm trắng mờ thánh thốt đàn ca,
 Còn đâu là bóng cung nga,
 Xiêm hồng tha thướt thềm hoa đạo hải.

(Lăng Chiêm-thành)

thi Chế Lan-Viên :

Đây điện các huy hoàng trong ánh nắng,
 Những đèn đài tuyệt mỹ dưới trời xanh.

 Đây, trong ánh ngọc lưu ly mờ ảo
 Vua quan Chiêm say đắm thịt da ngà,
 Những Chiêm-nữ mơ màng trong tiếng sáo,
 Cùng nhịp nhàng uyển chuyển uốn mình hoa.

(Trên đường về)

hay Nguyễn văn Cồn :

Khắp nơi núi hiem rừng linh,
 Khi nghe nhạc ngựa cúi mình, nép thân.

Đâu là chỗ muôn quân hăng hái ?
 Giục đàn voi gióng ruổi dặm ngàn.
 Anh hùng quân địch phá tan,
 Khi về qua cửa khải hoàn hát vang.

(Lăng Chiêm-thành)

thi Chế Lan-Viên :

Nơi ngựa hí, chuông rền vang trong gió,
 Nơi vang lừng tiếng hát vạn quân Chiêm.

 Nơi, một sáng Dữ-bàn vang tiếng hát
 Muôn binh Châm thắng trận giờ quân về.

 Bầy voi Châm hung hăng như sóng bề,
 Hung hăng theo ánh lửa của dân Hời.

(Chiến trường)

Rồi cả hai thi nhân đồng chung một tâm trạng tiếc
 thương :

Than ôi ! cảnh suy đồi thảm khốc,
 Nghĩ thương cho dân tộc giống Hời,
 Ngàn thông rù rì trên đồi,
 Vẳng nghe như tiếng muôn người khóc than.

(Nguyễn văn Cồn)

Những cảnh ấy trên đường về ta đã gặp,
 Tháng ngày qua ám ảnh mãi không thôi ;
 Và từ đây lòng ta luôn tràn ngập
 Nỗi buồn thương, nhớ tiếng giống dân Hời.

(Chế Lan-Viên)

Khảo sát, ta thấy tiếng thơ Nguyễn văn Cồn hiền lành,
 gọn nổi buồn thương man mác, rười rượi, còn tiếng kêu
 thương của Chế Lan-Viên gay gắt, não nùng.

Như chúng tôi đã nói, Chế Lan-Viên là tiếng nói duy
 nhất và độc nhất của dân tộc Chiêm-thành trong thi ca ta.
 Chế Lan-Viên đứng địa vị « chủ quan » mà than khóc, còn
 Nguyễn văn Cồn lấy tư cách khách quan mà tiếc thương.

Cho nên ta không thể đem hai tiếng thơ để so sánh hơn kém, mà phải nói họ là những tâm hồn đồng một cảm quan đậm và nhạt trước một đối tượng.

Nói chung, tiếng thơ của Nguyễn văn Cồn nhằm trọng tâm vào hồn nước. Từ *Nước tôi*, *Bèo máy*, *Trần bình Trọng*, *Xây dựng*, *Đưa bé mồ côi* tỏ ra một lòng luyện nước thương quê, qua những vần thơ chứa đựng ít nhân sinh quan như *Đời nay*, *Bạn tôi*, *Hồn hoa*, nhất là *Khóc chồng*; ta hãy nghe thi nhân nhìn đời:

Đời là giấc mộng em ơi!

Tình là giấc mộng muôn người than van.

Gặp nhau trong lúc mê man.

Khóc nhau trong lúc mộng tàn buồn tênh.

(*Khóc chồng*)

Rồi đến bài *Từ Thức*, tác giả cho là một sự vụng suy của anh chàng họ Từ. Trong đời hồ đê mấy khi thoát tục về được cảnh tiên, trăm luân năm, mười kiếp vị tất đã hạnh ngộ, thế mà lòng trần tục còn nặng mang, chàng Từ đã:

Bỏ lại đời tiên, xuống bụi hồng,

Giơ tay đề bắt cái hư không.

Mấy trăm năm chết nơi trần thế,

Một phút thần tiên vẫn ấm lòng.

(*Từ Thức*)

Đọc những dòng thơ trên đây, có người sẽ cho thơ của Nguyễn văn Cồn khô khan. Không đâu, ngoài tình yêu nước thương quê, thi nhân cũng có nhiều lúc mơ màng, nhớ người, nhớ cảnh, nhớ mối tình đầu khi xa sầu vắng thương; nhưng tình yêu của Nguyễn văn Cồn kín đáo, chừng chặc, nó không táo bạo, lá loi. Đây, ta hãy nghe mấy vần điệu rung cảm:

Nhận về xóm cũ lâu xưa

Hỏi nàng còn tựa cửa chờ ai không?

Gió heo may động tơ lòng,

Buồn như tiếng sáo nào nùng nhớ ai?

(*Hồn thu trích Nước tôi*)

hay những câu:

Em hãy giữ dòng thơ say đắm,

Đây là hồn, máu đượm tình yêu.

Đến khi đời đã xế chiều,

Tuổi thơ nhắc lại bao nhiêu là tình.

(*Mừng yêu trích Nước tôi*)

Đây, thì ít ra Nguyễn văn Cồn cũng phải có đôi dòng thơ «mượt» như thế mới gọi là có chút ít bản chất đa tình của thi nhân.

(11 — 1967)



Chi tuyến

Nước tôi

Tôi có một tình yêu vô tận,

Tự nghìn xưa chôn sẵn đáy lòng.

Cỏ kim tư tưởng một dòng,

Muôn đời rào rạt chảy trong tâm hồn.

Đời Thục-đế vẫn còn dấu cũ,

Thành Cò-loa sụp đổ vì đâu?

Suối vàng nàng hơi Mỵ-Châu!

Nghe chẳng tiếng quốc ca thu gọi hồn?

Bóng Trưng-vương vẫn còn phảng phất

Trong khối hương non nước tôn sùng,

Nghìn thu tỏ rạng má hồng,

Ái tằm thấy dấu cột đồng hận xưa?

Chấn rùng Thanh, voi đưa giận dữ,
 Rửa thù chung, Triệu-nữ sôi gan,
 Liễu bồ chơn bước gian nan,
 Mắt còn chung với giang san quản gì ?
 Ngọn cờ lau mở thì vương bá,
 Động Hoa-lư dầu đá chưa mờ,
 Nước non có tự bao giờ,
 Đinh Tiễn-Hoàng dựng cõi bờ bốn phương.
 Quân nhà Tống tìm đường chiếm cứ,
 Lê Đại-Hành chống giữ giang sơn,
 Tranh phong những trận mê hồn,
 Quân Tàu khiếp sợ dăm còn vãng lai !
 Lý thường Kiệt đủ tài thao lược
 Giữ san ha khỏi bước xâm lăng,
 Quân thù khoe rắn khoe rồng,
 Mới nghe danh đã rùn lòng thảo luận.
 Quân Mông-cổ chọc trời khuấy nước,
 Đoàn kỵ binh như sức cuồng phong.
 Á, Âu thâu núi đoạt sông,
 Gặp Trần quốc Tuấn, hai hùng thoát thân.
 Chấn Lam-sơn nhớ lẫn khởi nghĩa,
 Họp con em mạnh mẽ đứng lên,
 Trên đài tổ quốc bia trùên,
 Gươm thần Lê-Lợi ghi thiên anh hùng.
 Suốt một đêm lướt vòng súng đạn,
 Phá quân Tàu tán loạn trên sông.
 Bình minh rõ bóng Quang-Trung,
 Trong bầu hùng vĩ Thăng-long reo mừng.
 Còn nhớ thuở Gia-Long khai quốc,
 Hai mươi năm khổ cực lưu ly,
 Tám gương kiên nhẫn ai bì,
 Ngậm ngùi chén rượu rót khi đầu gối.

Mặt Hồ Tây mông mênh mây nước,
 Truyện thần linh thuở trước đâu xa !
 Chuông chùa Trấn-vô ngân nga,
 Trâu vàng lìa đất Trung-hoa diên cường.
 Nước Hồ Gươm, trắng vàng rung động,
 Nhắc đêm xưa ngọn sóng chập chùng,
 Rửa thiêng nôi trước thuyền rồng,
 Trên hồ hoàn kiếm anh hùng là ai ?
 Núi Hồng-lĩnh chín mươi chín ngọn,
 Suối ngâm thì, gió chọn đường tơ,
 Sơn hà mai cũ, hạc xưa.
 Hồn như nhắc mãi Tổ-Như muôn đời.
 Chấn Đèo Ngang ngậm ngùi dừng bước,
 Tiếng gia gia quốc quốc bồi hồi,
 Thanh-Quan bút họa thiên tài,
 Bức tranh non nước chưa phai nét vàng.
 Tại Mỹ-sơn lầu trang sập đồ.
 Dấu Chiêm-thành khóc thuở tàn quân.
 Bụi ngùi nhớ bóng Huyền-Trần,
 Hai châu Ô-Lý, đời thân nghìn vàng.
 Đá Vọng-phu nhớ thương thôn thức,
 Tay bỗng con non nước vời trôi,
 Xa xa mặt biển mênh mông,
 Đầu non tượng đá tỏ lòng tiết trính.
 Nước tôi đã đúc thành một khối,
 Tự Nam-quan cho tới Cà-mau,
 Núi rừng khai khẩn bấy lâu,
 Mồ hôi, nước mắt, giải dầu, gian lao,
 Núi Tản-viên dạn màu sương gió,
 Sông Cửu-long thương nhớ đầy vơi,
 Lúa vàng bát ngát Đồng-nai,

Rừng xanh bao phủ giẫy dãi Hoành-sơn,
 Đây là nơi mồ chôn kẻ trước,
 Đây là nơi hẹn ước kẻ sau,
 Nghìn thu sinh tử chung nhau,
 Chung thương, chung nhớ, chung sầu, chung vui,
 Nước non thề, ai người hiết tới?
 Biết hay không cũng tại lòng ta!
 Hỏi rằng nước ấy gần xa?
 Thừa rằng: «Nước ấy tên là Việt-nam.»

(Trích Nước tôi)

*

Trần Bình Trọng

Người cao lớn, chiến bào rực rỡ,
 Mặt giống nòi Mông-cô khô khan,
 Đó là Hoàng-tử Thoát-Hoan,
 Quân năm mươi vạn lướt trần sang Nam.
 Nghe tiếng nói thì thăm trước cửa.
 Vội đứng lên mắt ngó trần trần.
 Một trang Nam-Việt đương xuân,
 Đó Trần Bình Trọng, tù quân bước vào,
 Thoát-Hoan cúi chào kính trọng,
 Mời ghé ngồi, với đáng khăn cầu,
 Hai người đối diện phút lâu,
 Mắt như gương sắc nhìn nhau lạnh lùng.
 Thoát-Hoan bỗng phá vòng lặng lẽ,
 Cát tiếng vang mạnh mẽ trong phòng.
 «Ta đây tướng hồ, binh rồng,
 «Đông, Tây chiếm đoạt, xưng hùng khắp nơi.
 «Ta đã bắt được người trong trận,
 «Thấy sức tài nhiều bạn đáng khen,
 «Ta đây chiêu sĩ, đãi hiền,
 «Mà người chẳng phải kẻ hèn, đề giam.
 «Ta sẽ thắng nước-Nam bé nhỏ,

«Đoàn vua tôi đã bỏ kinh thành,
 «Chắc người thấu rõ cảnh tình,
 «Triều Nguyên quy thuận, đề mình Bắc vương.»
 Trần bình Trọng nghéng ngang đứng dậy,
 Nhìn Thoát-Hoan mắt này thù căm,
 Rằng: «Ta là máu Việt-nam,
 «Thà làm Nam quỷ, hơn làm Bắc vương,
 «Nước ta sẽ thắng phùng Mông-cô.
 «Vi quân ta, chống giữ nước ta.
 «Kẻ nào thương xót sơn hà,
 «Đất thiêng quân địch, khó mà xâm lăng!»
 «Bắt được ta, người đừng hỏi nữa,
 «Chuyện quy hàng chờ có chờ mong,
 «Nước non sắt đá một lòng.
 «Hai ta là giống chàng chung đội trời.»
 Thoát-Hoan bỏ dáng người oai vệ,
 Nhìn kẻ thù bao vẻ kính yêu,
 Bấy lâu chinh chiến đã nhiều,
 Lần này thắng trận xem chiều khó khăn.
 Liền đứng dậy, bần khoản suy nghĩ,
 Thâu núi sông, hồ để thâu lòng,
 Cúi đầu trước kẻ tôi trung,
 Gan vàng tỏ dấu non sông vững bền.

*

Ngày mai dưới tướng lệnh truyền,
 Chém Trần Bình Trọng, xưng tên anh hùng.
 Nghìn thu con cháu Lạc-Hùng,
 Trời Nam, máu đỏ, một dòng vẫn đây.

(Trích Nước tôi)

*

Xây dựng

Hơn bốn nghìn năm ngày lại ngày,
 Từ giờ từ phút chẳng ngừng tay,
 Như tằm rút ruột se nên kén,
 Như kiến tha mồi đắp dựng xây.
 Hình ảnh sơ khai bóng chửa lòa,
 Núi rừng rung chuyển dưới hồi loa,
 Ngọn cờ Lạc-tướng chiêu đoàn tụ,
 Trên bước đường di nhạc nở hoa.
 Bước trong đêm tối của thời gian,
 Sương phủ chân trời nhẹ nhạt tan,
 Tắm ánh bình minh đường thắm đỏ,
 Nhị Nùng định rõ bóng giang san.
 Hàng vạn bàn tay chẳng nghỉ ngơi,
 Tay vun tay đắp, sức muôn đời.
 Kẻ đem gạch đá, người xương máu
 Dựng tổ yêu thương của giống nòi.
 Cõi lòng còn vọng nhạc nghìn xưa,
 Tiếng mẹ ru con, tiếng đắp bờ,
 Câu hát chinh phu, câu tát nước,
 Tình yêu muôn điệu nở văn thơ.
 Hãy cầm nắm đất của non sông!
 Còn đầm mồ hôi, đầm máu hồng,
 Của cả toàn dân theo nhất chí
 Trên đường xây dựng giữa vùng đông.

(Hồn sông núi, 1952)

*

Đứa bé mồ côi

Đứa bé bơ vơ giữa chợ người.
 Chợ người rộn rịp chẳng quen ai,
 Người ta qua lại người hồ hững
 Đứa bé mồ côi đứng lẻ loi.
 Nét mặt gầy xanh, ngấn lệ còn,
 Bụi đường lem luốc má đỏ non,
 Mắt đen mờ lớn nhìn ngơ ngác
 Chẳng hiểu vì đâu chịu khổ buồn!
 Áo đen rách lớn phía tà sau.
 Quần vá nhiều mảnh vải khác màu,
 Bụng lép, chân run đi chẳng nổi,
 Nhà đâu, cha mẹ ở nơi đâu?
 Cha nó xa rồi hơi bạn ơi!
 Từ ngày chinh chiến bắt tâm hơi,
 Mẹ đã chết thâm hôm oanh tạc,
 Nên đề bây giờ nó lẻ loi.
 Lang thang xó chợ đến đầu đường,
 Đứng chực người ăn liệng miếng xương,
 Nước giải thêm thưởng giương cò nuốt,
 Còn đâu no ấm mẹ chiều nuôi!
 Nào ai tội nghiệp kẻ mồ côi?
 Cho chút cơm thừa vơi cá ôi!
 Ai nghĩ đêm trường mưa gió lạnh,
 Chiều buồn che đắp hộ cho ai?
 Nào ai thương xót trẻ mồ côi?
 Ấu yếm nào ai thí nửa lời?
 Đói rét người đời ai tường đến!
 Dưới mắt lòng mẹ kiếp nào người!

(Saigon, 1946)

*

Nàng vọng phu

Bấy lâu lẳng lẽ đợi chờ,
 Mộng hồn theo đến bao giờ mới thôi ?
 Nắng mưa lòng đá không phai.
 Trời Nam in rõ bóng người Vọng-phu.

 Đêm thanh vắng buồn ru con ngủ
 Để gọi hồn thiên cò canh thâu,
 Thời gian đen tối một màu,
 Vắng nghe tiếng gió chờ sầu tới nơi.
 Ánh đèn lạnh mờ soi thềm vắng,
 Tiếng người yêu đồng vọng bên lòng,
 Lưng trời tiếng vạc nào nùng,
 Ngoài vườn tiếng cú lạnh lùng cầm canh.
 Mắt vẫn giữ ánh hình âu yếm,
 Buổi chiều tàn, sương điểm cành mơ,
 Bấy lâu, trắng đợi, hoa chờ,
 Sông lai lẳng lẽ, núi ngơ ngẩn sầu.
 Vườn thu vắng ngả màu thương nhớ,
 Lá vàng rơi, mấy thuở bạc đầu,
 Thương nhau nên phải tìm nhau,
 Bến bờ ly cách bắc cầu yêu đương.

 Liễu rũ tóc xơ thương tiễn biệt,
 Chim động lòng tha thiết kêu ca,
 Sương đưa mặt đất là đà,
 Gió theo quyến luyện níu tà áo đơn.
 Ánh bình minh tung màn sương lạnh,
 Soi quăng đời hiu quạnh xa xôi,
 Nàng đi tắt dạ bụi ngùi,
 Khóm rừng thức dậy gửi lời đắng cay.
 Trời chính ngọ rặng cây tròn bóng.

Đường đá xanh hơi nóng bốc dần,
 Gốc cây nàng tạm nghỉ chân,
 Đề cho con bú, đỡ phần nặng nề.
 Trời dịu mát, cây đôi nghiêng bóng,
 Đồng lúa non, gợn sóng xanh xanh,
 Bồng con chan chứa bao tình,
 Đường xa nàng lại một mình bước lên.
 Chiều dần xuống rừng bên lẳng lẽ,
 Mây về ngàn ôm vẻ nhớ nhung,
 Chim hôm buồn tiếng nào nùng,
 Buồn rầu từ già cánh đồng mộng mênh.
 Đường chiều vắng, bên mình lạnh vắng,
 Chốn chân trời ánh sáng dần xa,
 Bước lần theo bóng chiều tà,
 Nàng lên ngọn núi thiết tha trông chừng.
 Gió lùa khúc nhạc hùng rung động,
 Biển chập chùng cao giọng cung thương,
 Rừng thiêng trầm bổng tiếng vang,
 Ngàn lau đứng dậy tơ vàng ngân nga.
 Đó nhạc điệu cao xa bất tử,
 Cửa nghìn trùng vũ trụ hiên ngang,
 Linh thiêng trong cảnh chiều vàng,
 Khiến nàng hóa đá, hồn nàng cao bay.

 Vẫn còn với nước non này,
 Bầu trời che chở, ngàn mây đến hầu,
 Sao đời, vật đổi bấy lâu,
 Khăng khăng đá vẫn giữ màu tiết trinh.

(Trích Nước lồi)

Khóc chồng

Trông em thảm thiết khóc chồng,
 Tóc em đề rối, má hồng đề phai,
 Gót son em đã bỏ hài,
 Áo sô, khăn trắng, đôi đời xuân xanh,
 Trông em tiêu tụy thân hình,
 Mắt em rõ ngấn lệ tình đầy vơi.
 Đường về đã vắng bóng ai,
 Lạnh lùng em nghĩ tới đời cô đơn,
 Người yêu đất khách xa chôn,
 Tình yêu mang nặng tâm hồn như xưa,
 Đêm ngày chiếc bóng ngàn ngơ.
 Bâng khuâng như thề giấc mơ hôm nào.
 Tình ra còn tưởng chiêm bao.
 Bóng chồng còn tưởng ra vào đầu dây,
 Chiều gieo sầu nặng cánh mây.
 Đưa hồn trở lại những ngày còn thơ,
 Rõ ràng cảnh cũ, tình xưa,
 Má hồng cô gái bây giờ là ai?
 Đời là giấc mộng em ơi!
 Tình là giấc mộng muôn người than van,
 Gặp nhau trong lúc mê man,
 Khóc nhau trong lúc mộng tàn buồn tênh.

(Trích Nước tôi)

*

Đời mai

Tặng người bạn tên Mai

Nhìn ngàn mai lạnh lùng gió thổi
 Nghĩ mình mai yếu đuối mà thương,
 Thân gà dầu dài gió sương,
 Yêu mai lòng khách bên đường ngàn ngơ.

Mai yêu điều trẻ thơ mấy độ?

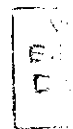
Khách yêu mai tưởng nhớ ngày xuân.
 Cành xanh hoa trái trắng ngần,
 Trên đôi vầng về bao lần ngắm hoa.
 Ta dừng bước, lòng tha thiết cành,
 Thấy đời mai hiu quạnh mà thương.
 Kiếp mai mưa gió phủ phàng,
 Thân mai đáng giá nghìn vàng ai hay?
 Nhưng đời vẫn dọa dẫm tài sắc.
 Khiến cho mai, dạn mặt phong trần,
 Yêu mai, ta khổ mấy lần,
 Vì mai ta sợ phai dần sắc hương.
 Đáy lòng giữ tình thương kín đáo,
 Những lo thắm, ai thấu chẳng ai?
 Nắng mưa ta sợ cho mai,
 Biết mai đã để mấy người yêu mai?
 Nay mai đã ra người xa vắng,
 Khách viễn phương lòng chẳng thấu tình,
 Cây ngàn tàn ác bề cành,
 Dem về giam chết trong bình hồn mai.
 Thôi mai hỡi kiếp đời là thế!
 Chữ chung tình đành để mai sau,
 Mai sau xin hẹn cùng nhau,
 Cùng nhau mai trúc, mái đầu chớ phai!

(Trích Nước tôi)

*

Bạn tôi

Tôi chỉ có một người bạn đó,
 Đã bao lần vui khổ cùng tôi.
 Phiêu lưu là thú ở đời,
 Trên đường cát bụi vui cười gió trăng.



Đời nghệ sĩ, sống bằng thơ mộng,
 Nợ tài hoa gánh nặng ái ân.
 Ngày xanh dòng suối trôi dần,
 Chuyện đời mộng cả, tấm thân tiếc gì!
 Bước chán nản nhớ khi khuyển đỗ,
 Lúc phong trần che chở lẫn nhau,
 Đồng chiêm gió lốc thời sâu,
 Cũ hương chuyện cũ hây lâu nặng tình!
 Đời bất khổ, tự mình khuyên nhủ,
 Nhẹ hận lòng bởi có bạn thân.
 Cõi lòng là suối ái ân,
 Bạn tôi chắc hẳn dưới trần không hai!
 Nay tôi chịu một đời thơ thần,
 Không phải đau lòng bạn thơ ơ!
 Tâm hồn cao quý như xưa,
 Giang hồ khí cốt bây giờ còn nguyên.
 Nhưng một buổi tình duyên sôi nổi,
 Bạn được gần chuyện với nàng tiên,
 Lòng còn đượm vẻ thiếu niên,
 Lạ gì tài sắc phải duyên muôn đời.
 Tôi thấy bạn tươi cười hơn trước,
 Riêng lòng tôi cũng được thăm vui.
 Bao lần chìm nổi có người,
 Đò xưa bến cũ đợi ai bây giờ?
 Tôi chẳng dám như xưa thân mật,
 Vì gần tôi, bạn mất giờ yêu.
 Một mình tôi sống quạnh hiu,
 Bước đường vắng vẻ, gió chiều lạnh thay!

(Trích Nước tôi)

Hồn hoa

Ta thường tưởng Hoa vô trí giác,
 Nhưng mà Hoa có khác chi ta!
 Khi vui Hoa cũng mặn mà,
 Khi buồn Hoa cũng thiết tha nào nung.
 Đây là phút nổi lòng hơn hờ,
 Giờ tân hôn thiếu nữ chờ mong,
 Biết bao xinh đẹp trẻ trung,
 Bên mình Hoa cũng má hồng đua tươi.
 Ta đưa kẻ cuộc đời rời bỏ,
 Nắm xương tàn gửi chốn tha ma,
 Bên mồ kẻ khóc thiết tha,
 Nhìn Hoa ta cũng thấy Hoa nào nung.
 Cảm tay ai ngại ngùng xa cách,
 Đây túi sầu khoe mắt lệ rơi,
 Chiều sương bao vẻ ngậm ngùi,
 Nhìn Hoa, Hoa cũng rủ rời ngăn ngại.
 Đời là chỗ bụi dơ khổ hận,
 Hãy yêu Hoa như bạn yêu thân.
 Hoa là Tiên-nữ xuống trần,
 Làm cho đời có đôi phần xinh tươi.
 Ước có một chân trời trong sáng,
 Mà ngàn năm Hoa chẳng héo phai,
 Đề hồn tôi tới tận nơi,
 Đề Hoa khỏi rụng, đề tôi khỏi buồn!

(Trích Nước tôi)

Lăng Chiêm-thành

Trên đồi đỏ nắng hè gay gắt,
 Những mảnh lăng đồ nát nằm trơ,
 Minh đây những vết thương xưa,
 Máu Châm nhuộm đỏ đèn giờ chưa phai.
 Từng tháp cao rã rời nghiêng ngả,
 Bước thang lầu thêm đá đỏ xiêu,
 Cỏ gai tàn phá tiêu điều,
 Tượng thần dưới đất ra chiều đau thương.
 Đây là bóng đế vương oai vũ ?
 Đê người đời bao thuở hãi kinh,
 Khắp nơi núi hiem rừng linh,
 Khi nghe nhạc ngựa cúi mình, nép thân,
 Đây là chỗ muôn quân hằng hải ?
 Giục đàn voi giêng ruồi dăm ngàn,
 Anh hùng quân địch phá tan,
 Khi về qua cửa khải hoàn hát vang,
 Đây là chỗ điện vàng lầu ngọc ?
 Đêm trăng mờ thánh thót đàn ca,
 Còn đâu là bóng cung nga,
 Xiêm hồng tha thướt thêm hoa đạo hải.
 Than ôi ! cảnh suy đồi thảm khốc,
 Nghĩ thương cho dân tộc giống Hời,
 Ngàn thông rủ rỉ trên đồi,
 Vẳng nghe như tiếng muôn người khóc than.

(Trích Nước tôi)

Hồn đêm khuya

Giữa quăng không cao vút
 Đêm là một bình hương
 Khói mù sương nghi ngút
 Dâng thành kính bốn phương.
 Nhìn cổ quận dờng về sầu che phủ
 Mắt tìm nhau trong giờ khắc muộn màng,
 Gửi về tình bốn nghìn năm lịch sử
 Và cả niềm tin tưởng ở quê hương.
 Hồn đêm khuya đã lần lần xuất hiện
 Trong gió ngàn, tiếng cây cỏ than van,
 Giữa nghìn sao mấy vạn năm trò chuyện
 Trong lời xanh nhấp nhánh động không gian.
 Qua trùng dương bát ngát
 Đêm đưa hồn đi xa
 Cánh tương tư phiêu bạt
 Đưa về tận quê nhà.
 Nhưng hương hoa tàn rơi trên đất lạnh,
 Sắc huy hoàng áo nã khoắc màu tang,
 Tiếng chuông chùa im lìm trong hiu quạnh
 Và mắt người niệm Phật nặng sầu thương.
 Tôi bỗng thấy máu trong người tê lạnh,
 Khi cờ tang che lấp bóng trắng đơn,
 Làn khói hương cuộn mình trong khô hạn
 Khi đêm khuya gió lốc thổi vong hồn.
 Người tử sĩ !
 Hồn tử sĩ
 Khí phách vẫn còn nguyên
 Trong thế giới ảo huyền

Hãy nghe đêm niệm câu thần chú
 Trong màn sương mờ mả chấp chờn
 Gọi hồn ma trở lại trần gian
 Trên đường vắng hiện về thăm xóm cũ.

Đêm bao la là nửa phần vũ trụ,
 Là nửa phần cõi sống của thời gian
 Bàn tay mềm nựng ta trong giấc ngủ
 Và trong đêm vô tận bỏ trần gian.

Tôi tin chắc có một đêm hẹn ước
 Tay cầm tay ta nhắc lại lời nguyện,
 Đêm sửa soạn một Ngày Mai sáng rực
 Nhạc vang lừng ca hát cảnh Bình Yên.

Nguyễn văn Côn

(Đăng trong Phổ-Thông số 112
 năm 1963 trong lúc gia đình họ
 Ngô đang đàn áp Phật giáo)

Bèo mây

Ai đâu chắc bèo mây hội hiệp,
 Phải vì chẳng số kiếp bèo mây?
 Bèo mây trước ngọn gió lay,
 Mây bay bèo nổi bao ngày biệt ly!
 Kiếp bèo mây cứ đi, đi mãi,
 Hận biệt ly chỉ tại bèo mây,
 Bèo mây trôi nổi bao ngày,
 Quê hương, ai kè bèo mây có mình.
 Bèo mây đã không tình hội hiệp,
 Hỏi vì đâu số kiếp bèo mây?
 Quê hương tìm kiếm bấy nay,
 Tác lòng chứa hận bèo mây đã đây.

Bạn lòng hỡi! bèo mây là thế,
 Hội hiệp nhau, chớ đề xót xa!
 Bèo mây ta hiểu lòng ta,
 Đâu non, mặt nước đâu là quê hương?

(Trích Nước tôi)

